

T. U. H. C.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *g7*/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 01 năm 2018

### **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ, công vụ,  
cải cách hành chính năm 2017 của các Sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp  
thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/04/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 1560/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND tỉnh Ban hành Bộ Chỉ số cải cách hành chính, công vụ 2017;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 105/Tr-SNV ngày 10/01/2018,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ, công vụ, cải cách hành chính năm 2017, như sau:**

*1. Đối với các Sở, ban, ngành*

+ Mức “**Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ**” gồm:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Công Thương;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp;
- Thanh tra tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Sở Giáo dục và Đào tạo.

+ Mức “**Hoàn thành tốt nhiệm vụ**”, gồm:

- Sở Khoa học và Công nghệ;

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Ngoại vụ;
- Sở Tài chính;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Sở Giao thông Vận tải;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Sở Xây dựng;
- Sở Y tế;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Ban Dân tộc;
- Sở Tài nguyên và Môi trường.

### 2. Đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh

+ Mức “**Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ**”, gồm:

- Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai;
- Nhà Thiếu nhi tỉnh.

+ Mức “**Hoàn thành tốt nhiệm vụ**”, gồm:

- Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao;
- Trường Đại học Đồng Nai;
- Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai;
- Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đồng Nai;
- Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai;
- Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng;
- Nhà Xuất bản Đồng Nai.

### 3. Đối với UBND cấp huyện

+ Mức “**Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ**”, gồm:

- UBND huyện Xuân Lộc;
- UBND thị xã Long Khánh;
- UBND huyện Vĩnh Cửu;
- UBND huyện Long Thành.

+ Mức “**Hoàn thành tốt nhiệm vụ**”, gồm:

- UBND huyện Nhơn Trạch;
- UBND huyện Trảng Bom;
- UBND huyện Cẩm Mỹ;
- UBND huyện Định Quán;
- UBND huyện Thống Nhất;
- UBND huyện Tân Phú;
- UBND thành phố Biên Hòa.

**Điều 2.** Công bố chi tiết Bộ Chỉ số cải cách hành chính 2017 của các Sở, ban ngành và UBND cấp huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (Phụ lục kèm theo).

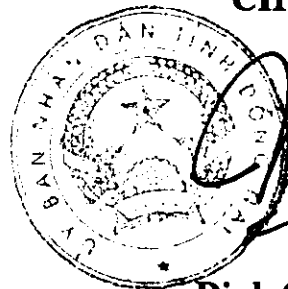
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố BH;
- Lưu: VT, VX, HCC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đình Quốc Thái**



## PHỤ LỤC:

Kết quả chi số cải cách hành chính các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa năm 2017  
(Kèm theo Quyết định số 7/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh)

### I. Đối với các sở, ban ngành

Stt	Đơn vị	Chỉ số	Ghi chú
1	Sở Công Thương	88.50	
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	87.75	
3	Thanh Tra tỉnh	82.75	
4	Sở Nội vụ	82.75	
5	Sở Ngoại vụ	82.25	
6	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	81.50	
7	Sở Tài nguyên và Môi trường	78.75	
8	Sở Giao thông vận tải	78.75	
9	Sở Khoa học và Công nghệ	78.50	
10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	76.25	
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	76.00	
12	Sở Y tế	75.00	
13	Sở Tư pháp	75.00	
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	73.50	
15	Sở Thông tin và Truyền thông	73.00	
16	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	71.75	
17	Sở Xây dựng	71.50	
18	Văn phòng UBND tỉnh	71.50	
19	Sở Tài chính	69.00	
20	Ban Dân tộc	64.25	
<b>Bình quân</b>		<b>76.91</b>	

### II. Đối với UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa

Stt	Đơn vị	Chỉ số	Ghi chú
1	Xuân Lộc	86.75	
2	Nhơn Trạch	84.5	
3	Vĩnh Cửu	82.25	

<b>Stt</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Chi số</b>	<b>Ghi chú</b>
4	Cẩm Mỹ	80	
5	Long Khánh	78.25	
6	Trảng Bom	77.75	
7	Long Thành	77.5	
8	Tân Phú	74	
9	Thông Nhất	75.5	
10	Định Quán	69.75	
11	Biên Hòa	65	
<b>Bình quân</b>		<b>77.39</b>	